

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư lịch số 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn cơ chế tài chính và mức kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

Căn cứ Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí dự án rà soát, cập nhật quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1393/SKHĐT-QII ngày 13/4/2017 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (kèm theo Công văn số 1033/STNMT-BVMT ngày 08/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tham gia ý kiến đề cương nhiệm vụ lập báo cáo ĐMC; Công văn số 1359/STC-HCSN ngày 10/4/2017 của Sở Tài chính về thẩm định dự toán kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược dự án),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (DMC) đối với dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chính như sau:

I. Tên dự án: báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

II. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.

III. Mục tiêu: xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược nhằm phân tích, dự báo tổng hợp các tác động đến môi trường của dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, qua đó lồng ghép các vấn đề về môi trường trong quá trình xây dựng rà soát, cập nhật Quy hoạch để lựa chọn các phương án, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

IV. Nhiệm vụ chính

1. Thu thập tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có liên quan đến dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch.

2. Thu thập và khai thác các số liệu về tài nguyên, môi trường từ các chương trình, dự án đã và đang được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh: chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển, chương trình quan trắc tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa; dự án Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 - 2015; báo cáo hiện trạng môi trường các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016; quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

3. Điều tra bổ sung số liệu: chỉ tiến hành điều tra tại những khu vực thật sự cần thiết, phục vụ cho việc đánh giá tổng hợp những tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đến môi trường, làm cơ sở dự báo chiến lược về môi trường trong kỳ quy hoạch, cụ thể như sau:

3.1. Khu vực điều tra

- Sản xuất nông nghiệp: tại Thọ Xuân, Nông Cống và Quảng Xương.
- Khai thác, nuôi trồng thủy sản: tại Hoằng Hóa, Quảng Xương, Tĩnh Gia.
- Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, Khu công nghiệp Bỉm Sơn, cụm công nghiệp Thiệu Dương.

- Làng nghề, tiểu thủ công nghiệp: làng chiếu Nga Sơn; làng nghề chế biến thủy, hải sản Tĩnh Gia; làng sản xuất vật liệu xây dựng huyện Triệu Sơn.

- Khai thác, chế biến khoáng sản: khu khai thác, chế biến đá Hà Trung, khai thác cát Quảng Châu, huyện Quảng Xương, diềm khai thác quặng huyện Triệu Sơn.

- Thương mại, dịch vụ: Khu du lịch biển Sầm Sơn, các trung tâm thương mại tại TP Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn.

- Khu vực trọng điểm giao thông: đường Hồ Chí Minh đoạn qua huyện Thọ Xuân, Quốc lộ 1A đoạn qua huyện Tĩnh Gia, Quốc lộ 47 đoạn qua huyện Quảng Xương.

- Bệnh viện, cơ sở y tế, trường học: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc và Trường Đại học Hồng Đức.

- Khu dân cư đô thị: tại thị xã Sầm Sơn, Bỉm Sơn và TP Thanh Hóa.

- Khu vực sông, hồ, ao nơi tiếp nhận nguồn xả thải và có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường: sông Mã, sông Chu và Hồ Thành, TP Thanh Hóa.

- Cầu, cảng biển: cầu Hàm Rồng, cảng cá Hậu Lộc, cảng Nghi Sơn.

- Thu gom, xử lý chất thải: bãi rác huyện Hoằng Hóa, Triệu Sơn và khu đốt rác thị xã Bỉm Sơn.

3.2. Nội dung điều tra

- Điều tra môi trường đất: điều tra 90 mẫu (1 mẫu/1 vị trí x 9 vị trí/khu vực) tại 10 khu vực, gồm: sản xuất nông nghiệp; khai thác, nuôi trồng thủy sản; khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; làng nghề, tiểu thủ công nghiệp; khai thác, chế biến khoáng sản; khu thương mại, dịch vụ; bệnh viện, cơ sở y tế, trường học; khu dân cư đô thị; khu vực sông, hồ, ao nơi tiếp nhận nguồn xả thải và có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường; khu vực thu gom, xử lý chất thải. Chỉ tiêu giám sát: Cu; Cd; Pb; As.

- Điều tra môi trường nước mặt: điều tra 54 mẫu (1 mẫu/1 vị trí x 9 vị trí/1 khu vực) tại 6 khu vực, gồm: sản xuất nông nghiệp; khai thác, nuôi trồng thủy sản; làng nghề, tiểu thủ công nghiệp; bệnh viện, cơ sở y tế, trường học; khu vực sông, hồ, ao nơi tiếp nhận nguồn xả thải và có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường; cầu, cảng biển. Các chỉ tiêu giám sát: pH; BOD₅; COD; DO; TSS; NO₃- theo N; PO₄- theo P; Cu, Pb, As, Coliform.

- Điều tra môi trường nước ngầm: điều tra 63 mẫu (1 mẫu/1 vị trí x 9 vị trí/1 khu vực) tại 7 khu vực, gồm: khai thác, nuôi trồng thủy sản; khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; làng nghề, tiểu thủ công nghiệp; khu vực khai thác, chế biến khoáng sản; khu thương mại, dịch vụ; khu vực bệnh viện, cơ sở y tế, trường học; khu vực dân cư đô thị. Chỉ tiêu giám sát: pH; độ cứng (CaCO₃); Fe; As; NH₄⁺, NO₂⁻; E.Coli.

- Điều tra môi trường không khí: điều tra 81 mẫu (1 mẫu/1 vị trí x 9 vị trí/1 khu vực) tại 9 khu vực, gồm: khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; làng nghề, tiểu thủ công nghiệp; khai thác, chế biến khoáng sản; khu thương mại, dịch vụ; khu vực trọng điểm giao thông; khu vực bệnh viện, cơ sở y tế, trường học; khu vực dân cư đô thị; khu vực cầu, cảng biển; khu vực thu gom, xử lý chất thải. Các chỉ tiêu giám sát: SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, bụi lơ lửng, điều kiện vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm).

- Điều tra số liệu về chất thải môi trường, số liệu về cơ sở môi trường, tình hình quản lý các nguồn tài nguyên và môi trường tại khu vực điều tra.

- Thu mẫu thực vật nổi: điều tra 18 mẫu định tính và 18 mẫu định lượng (1 mẫu/1 vị trí x 9 vị trí/khu vực) tại 2 khu vực, gồm: khai thác, nuôi trồng thủy sản; khu vực sông, hồ, ao nơi tiếp nhận nguồn xả thải và có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường.

- Thu mẫu động vật nổi: điều tra 18 mẫu định tính và 18 mẫu định lượng (1 mẫu/1 vị trí x 9 vị trí/ khu vực) tại 2 khu vực: khai thác, nuôi trồng thủy sản; khu vực sông, hồ, ao nơi tiếp nhận nguồn xả thải và có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường.

- Thu mẫu động vật đáy: điều tra 18 mẫu định tính và 18 mẫu định lượng (1 mẫu/1 vị trí x 9 vị trí/ khu vực) tại 2 khu vực, gồm: khai thác, nuôi trồng thủy sản; khu vực sông, hồ, ao nơi tiếp nhận nguồn xả thải và có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường.

4. Tổng hợp, phân tích số liệu, xây dựng các báo cáo chuyên đề.

5. Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

V. Nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án Rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ rà soát, cập nhật quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

- Tóm tắt về sự cần thiết và hoàn cảnh ra đời của nhiệm vụ rà soát, cập nhật Quy hoạch

- Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt rà soát, cập nhật Quy hoạch.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện ĐMC

2.1. Căn cứ pháp luật

- Các văn bản pháp luật làm căn cứ để thực hiện ĐMC, trong đó nêu đầy đủ chính xác: mã số, tên, ngày ban hành, cơ quan ban hành của từng văn bản và đối tượng điều chỉnh của văn bản.

- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan khác được sử dụng để thực hiện ĐMC.

2.2. Căn cứ kỹ thuật: các hướng dẫn kỹ thuật về ĐMC và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác được sử dụng để thực hiện ĐMC của dự án quy hoạch.

2.3. Phương pháp thực hiện

2.4. Tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC

3. Tổ chức thực hiện ĐMC

- Mô tả mối liên kết giữa quá trình rà soát, cập nhật Quy hoạch với quá trình thực hiện ĐMC; đồng thời, thể hiện rõ các bước thực hiện ĐMC được gắn kết với các bước rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức, cách thức hoạt động của tổ chuyên gia do cơ quan xây dựng rà soát, cập nhật Quy hoạch lập hoặc đơn vị tư vấn thực hiện ĐMC của rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Danh sách (họ tên, học vị, học hàm, chuyên môn được đào tạo) và vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên trực tiếp tham gia trong quá trình thực hiện ĐMC được thể hiện dưới dạng bảng.

- Mô tả cụ thể về quá trình làm việc, thảo luận của tổ chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn về ĐMC với đơn vị hoặc tổ chuyên gia lập rà soát, cập nhật Quy hoạch nhằm lồng ghép các nội dung về môi trường vào trong từng giai đoạn của quá trình lập rà soát, cập nhật Quy hoạch.

Chương 1

TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ ÁN RÀ SOÁT, CẬP NHẬT QUY HOẠCH

1. Tên dự án: rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ rà soát, cập nhật Quy hoạch: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa;

3. Mối quan hệ của rà soát, cập nhật Quy hoạch được đề xuất với các quy hoạch khác có liên quan

- Liệt kê các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khác đã được phê duyệt có liên quan đến dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Phân tích mối quan hệ qua lại giữa dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch được đề xuất với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan.

4. Mô tả tóm tắt nội dung của rà soát, cập nhật Quy hoạch

- Phạm vi không gian và thời kỳ rà soát, cập nhật Quy hoạch.
- Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch; các quan điểm và mục tiêu chính về bảo vệ môi trường.
- Các phương án phát triển và phương án được chọn.
- Các nội dung chính của rà soát, cập nhật Quy hoạch.
- Các định hướng và giải pháp chính về bảo vệ môi trường.
- Các định hướng về bảo tồn đa dạng sinh học (nếu có).
- Các giải pháp về cơ chế, chính sách.
- Các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm, ưu tiên.
- Phương án tổ chức thực hiện của rà soát, cập nhật Quy hoạch.

Chương 2

PHẠM VI ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC VÀ ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phạm vi không gian và thời gian của đánh giá môi trường chiến lược

1.1. Phạm vi không gian: trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi thời gian: theo thời kỳ rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, quy hoạch giai đoạn 2021 - 30, tầm nhìn đến năm 2040.

2. Điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội

2.1. Điều kiện địa lý, địa chất

- Mô tả tổng quát điều kiện địa lý, địa chất của vùng có khả năng ảnh hưởng bởi các tác động (tiêu cực, tích cực) của rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Mô tả tổng quát đặc điểm địa hình, cảnh quan khu vực, trong đó đặc biệt quan tâm đối với các danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc tế (di sản thiên nhiên), cấp khu vực, cấp quốc gia phân bố trên khu vực có khả năng tác động bởi các tác động (tiêu cực, tích cực) của rà soát, cập nhật Quy hoạch.

2.2. Điều kiện khí tượng, thủy văn, hải văn

- Mô tả tổng quát về điều kiện khí tượng, gồm: chế độ nhiệt, chế độ nắng, chế độ mưa, chế độ gió và các điều kiện khí tượng khác.

- Mô tả tổng quát về điều kiện thủy văn, gồm: đặc điểm hệ thống sông, suối chính; mô tả chi tiết đối với các hệ thống sông, suối có khả năng chịu tác động bởi phân bố trên khu vực rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Mô tả tổng quát về điều kiện hải văn.

- Liệt kê các hiện tượng khí tượng cực đoan (lốc, bão, lũ lụt,...).

- Mô tả các biểu hiện của biến đổi khí hậu.

2.3. Hiện trạng các thành phần môi trường tự nhiên

a) Hiện trạng môi trường

- Hiện trạng môi trường đất.

- Hiện trạng môi trường nước.

- Hiện trạng môi trường không khí.

- Đặc điểm hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học (phong phú về gen, loài) trên cạn và dưới nước có khả năng chịu tác động (tiêu cực, tích cực) bởi rà soát, cập nhật Quy hoạch bao gồm: đặc điểm thảm thực vật (rừng), các khu bảo tồn thiên nhiên; các loài động, thực vật hoang dã, quý hiếm, đặc hữu, các loài nguy cấp và các loài ngoại lai.

- Các dịch vụ hệ sinh thái đang được khai thác và tiềm năng.

b) Đánh giá tổng quát chất lượng môi trường

2.4. Điều kiện về kinh tế

Mô tả tổng quát về hiện trạng hoạt động của các ngành kinh tế chính (công nghiệp, nông nghiệp, khai khoáng, giao thông vận tải, du lịch, thương mại và ngành khác) có khả năng chịu tác động bởi rà soát, cập nhật Quy hoạch.

2.5. Điều kiện về xã hội

- Các công trình văn hóa, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng và các công trình quan trọng khác có khả năng chịu tác động (tiêu cực, tích cực) bởi rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Dân số, đặc điểm các dân tộc, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo thuộc khu vực có khả năng chịu tác động (tiêu cực, tích cực) bởi rà soát, cập nhật Quy hoạch.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA QUY HOẠCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1. Các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường được lựa chọn: tổng hợp (liệt kê) các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu được lựa chọn từ các văn bản chính thống liên quan như: nghị quyết, chỉ thị của Đảng; văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước; chiến

lược, quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; biến đổi khí hậu,...

2. Đánh giá sự phù hợp của rà soát, cập nhật Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường

- Đánh giá sự phù hợp, không phù hợp hoặc mâu thuẫn giữa quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường liên quan trong các văn bản tại mục 1 nêu trên.

- Dự báo tác động (tiêu cực, tích cực) của các quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch đến các quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường liên quan trong các văn bản tại mục 1 nêu trên.

3. Đánh giá, so sánh các phương án phát triển đề xuất (trường hợp rà soát, cập nhật Quy hoạch có từ 02 phương án phát triển trở lên)

- Đánh giá những ảnh hưởng tiêu cực, tích cực lên các mục tiêu về bảo vệ môi trường, các xu thế môi trường của từng phương án phát triển đề xuất.

- Khuyến nghị phương án chọn.

4. Những vấn đề môi trường chính: những vấn đề môi trường chính liên quan đến rà soát, cập nhật Quy hoạch cần xem xét trong ĐMC.

5. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch

- Xác định các nguyên nhân chính có tiềm năng tác động đến môi trường của khu vực trước thời điểm thực hiện quy hoạch.

- Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính, xu hướng phát thải khí nhà kính của khu vực.

6. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Rà soát, cập nhật quy hoạch

6.1. Đánh giá, dự báo tác động của rà soát, cập nhật Quy hoạch đến môi trường

- Xác định các tác động của rà soát, cập nhật Quy hoạch đến môi trường.

- Đánh giá tác động của rà soát, cập nhật Quy hoạch đến môi trường: xác định rõ đối tượng chịu tác động, phạm vi không gian và thời gian của tác động, mức độ nghiêm trọng của tác động, xác suất của tác động.

6.2. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính

6.3. Dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện rà soát, cập nhật Quy hoạch

- Dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đối với rà soát, cập nhật Quy hoạch.

- Dự báo tác động của rà soát, cập nhật Quy hoạch đối với xu hướng biến đổi khí hậu.

7. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo

- Xác định và nêu rõ những vấn đề còn chưa chắc chắn, thiếu tin cậy trong DMC, đặc biệt là về dự báo, đánh giá tác động, mức độ nghiêm trọng, phạm vi không gian, thời gian của tác động,...

- Trình bày lý do, nguyên nhân của từng vấn đề chưa chắc chắn, thiếu tin cậy.

Chương 4

THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

1. Thực hiện tham vấn

- Mục tiêu của tham vấn: thu thập, điều tra, xác thực các thông tin liên quan đến quy hoạch và nhiệm vụ lập báo DMC.

- Nội dung tham vấn, các đối tượng được lựa chọn tham vấn và căn cứ để lựa chọn các đối tượng này:

+ Nội dung tham vấn: xác định các vấn đề môi trường cốt lõi và mục tiêu môi trường có liên quan tới rà soát, cập nhật Quy hoạch; phân tích các xu hướng biến đổi khí hậu không có quy hoạch; đánh giá các hoạt động tích cực và tiêu cực của các hoạt động được đề xuất trong quy hoạch đến các xu hướng biến đổi môi trường liên quan.

+ Đối tượng được lựa chọn tham vấn: các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố.

- Mô tả quá trình tham vấn, cách thức tham vấn, trong đó nêu rõ việc tham vấn được thực hiện ở những bước nào trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược: tham vấn được thực hiện bằng cách tổ chức hội thảo tham vấn trong quá trình phân tích, đánh giá lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

2. Kết quả tham vấn

- Ý kiến tham vấn (tích cực, tiêu cực); các ý kiến nhất trí, phản đối và các kiến nghị đối với vấn đề bảo vệ môi trường, đối với nội dung rà soát, cập nhật Quy hoạch; ý kiến, kiến nghị khác (nếu có).

- Nội dung, ý kiến đã tiếp thu, không tiếp thu; lý do.

Chương 5

GIẢI PHÁP DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU XU HƯỚNG TIÊU CỰC CỦA CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN RÀ SOÁT, CẬP NHẬT QUY HOẠCH

1. Các nội dung của rà soát, cập nhật Quy hoạch đã được điều chỉnh trên cơ sở kết quả của DMC

1.1. Các đề xuất, kiến nghị từ kết quả DMC (nêu đầy đủ các đề xuất, kiến nghị dưới góc độ môi trường từ quá trình DMC để điều chỉnh các nội dung của rà soát, cập nhật Quy hoạch).

1.2. Các nội dung của rà soát, cập nhật Quy hoạch đã được điều chỉnh

- Các điều chỉnh về quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu.
- Các điều chỉnh về phương án phát triển.
- Các điều chỉnh về các dự án thành phần.
- Các điều chỉnh về phạm vi, quy mô, các giải pháp công nghệ, và các nội dung khác.
- Các điều chỉnh liên quan đến giải pháp, phương án tổ chức thực hiện rà soát, cập nhật Quy hoạch.

2. Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện quy hoạch.

2.1. Các giải pháp về tổ chức, quản lý

2.2. Các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật

2.3. Định hướng về đánh giá tác động môi trường (đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong quy hoạch, trong đó chỉ ra những vấn đề môi trường cần chú trọng, các vùng, ngành, lĩnh vực cần phải được quan tâm về đánh giá tác động môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án).

3. Các giải pháp giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu

3.1. Các giải pháp giảm nhẹ

3.2. Các giải pháp thích ứng

Chương 6

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý môi trường: xây dựng các nội dung về quản lý môi trường trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

2. Giám sát môi trường

- Mục tiêu giám sát: những mục tiêu cần đạt được của hoạt động giám sát môi trường.

- Trách nhiệm thực hiện giám sát: tổ chức, cơ quan chịu trách nhiệm chính, cơ quan phối hợp, cách thức phối hợp.

- Nội dung giám sát: đối tượng giám sát, thời gian, tần suất, thông số, chỉ thị giám sát, địa điểm giám sát (nếu có).

- Nguồn lực cho giám sát: nhân lực, kinh phí và các điều kiện vật chất khác cần thiết cho hoạt động giám sát (nếu có).

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Về mức độ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường của rà soát, cập nhật Quy hoạch

- Kết luận chung về sự phù hợp, chưa phù hợp hoặc mâu thuẫn của các mục tiêu của rà soát, cập nhật Quy hoạch với các mục tiêu về bảo vệ môi trường.

- Mức độ tác động tiêu cực, tích cực của rà soát, cập nhật Quy hoạch lên các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu.

- Những tác động môi trường tiêu cực không thể khắc phục; nguyên nhân.

2. Về hiệu quả của ĐMC

- Những nội dung của rà soát, cập nhật Quy hoạch đã được điều chỉnh trong quá trình ĐMC.

- Những vấn đề còn chưa có sự thống nhất giữa yêu cầu về phát triển và bảo vệ môi trường.

3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện rà soát, cập nhật Quy hoạch và kiến nghị hướng xử lý.

4. Kiến nghị và cam kết.

VI. Dự toán kinh phí

1. Tổng dự toán kinh phí lập ĐMC: 923 triệu đồng (*chi tiết có phụ lục kèm theo*).

- Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch, trong dự toán ngân sách tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

VII. Thời gian thực hiện: Năm 2017.

VIII. Sản phẩm của dự án

1. Báo cáo ĐMC đối với dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

2. Tài liệu điều tra thu thập, số liệu dự báo và các báo cáo chuyên đề.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư (chủ đầu tư) căn cứ vào nội dung đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án rà soát, cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, khẩn trương triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, THKH.



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục: DỰ TOÁN KINH PHÍ

Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án rà soát,
cập nhật Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số: 3599/QĐ-UBND ngày 28 /4/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung công việc	Ký hiệu	Thành tiền
1	Chi phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo Thông tư liên tịch số 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT	G _{DMCĐC}	382.409.000
2	Chi phí điều tra, lấy mẫu và phân tích mẫu bổ sung		456.229.000
3	Thuế VAT = (I+II)* 10%	VAT	
	Tổng chi phí	G	922.501.800
	Làm tròn		923.000.000